TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Phong

2. Bà Bùi Thị Thanh Thảo

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Anh Dũng – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Đức D,** sinh năm 1988. (Có mặt)

Địa chỉ: Số B, đường A, khu phố A, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Chị **Trần Ngọc N**, sinh năm 1990. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2023 và quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Nguyễn Đức D trình bày:

Vào năm 2018, anh và chị Trần Ngọc N xây dựng hôn nhân do quen biết, tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 23/11/2018 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận I, thành phố Hồ Chí Minh nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không phù hợp nên thường xuyên cãi nhau. Anh chị không trao đổi nhau về nhiều vấn đề trong gia đình và tình cảm vợ chồng. Anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả và đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Anh nhận thấy hôn nhân lâm vào tình trạng bế tắc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn với chị N.

Về con chung: Có một con tên Nguyễn Trần Mai A (nữ), sinh ngày 09/10/2018, hiện đang sống với chị N. Khi ly hôn, anh D đồng ý giao cháu Mai A cho chị N nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Mai A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn chị Trần Ngọc N nhưng chị N vắng mặt nhiều lần không rõ lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Đức D và chị Trần Ngọc N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, anh D khởi kiện xin ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định

là "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ nhiều lần, bị đơn có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Anh Dũng và chị N chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2018, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, anh D cho rằng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bất hòa về tình cảm và cách nuôi dạy con trong gia đình. Anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không có kết quả, sau đó anh về nhà cha mẹ ruột sống còn chị N và con sống riêng nên anh chị đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh D phát sinh từ năm 2019 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng bất hòa về tình cảm gia đình nên ít quan tâm nhau dẫn đến mất hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, anh D cho rằng không còn tình cảm với chị N nên yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về phía chị N, Tòa án đã thực hiện việc triệu tập chị N đúng trình tự luật định để tham gia tố tụng tại tòa và có ý kiến đối với hôn nhân của mình nhưng chị N nhiều lần vắng mặt không rõ lý do. Điều đó cho thấy chị N đã không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của anh D đối với chị N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có một con tên Nguyễn Trần Mai A (nữ), sinh ngày 09/10/2018; ngoài ra không có con nuôi hay con riêng gì khác.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, anh D đồng ý tiếp tục giao cháu Mai A cho chị N nuôi dưỡng đến trưởng thành, hiện cháu Mai A đang sống cùng chị N, cháu có sức khỏe tốt, phát triển bình thường về thể chất và khả năng nhận biết.

Việc chăm lo và giáo dục để con chung phát triển lành mạnh (sự phát triển toàn diện như trên) đều cần sự vun đắp, tạo dựng của cả chị N và anh D. Nên việc vắng mẹ (chị N) hoặc cha (anh D) đều gây trở ngại cho cháu Mai A,

tức là: có thể thiếu thốn hơn về điều kiện kinh tế hoặc không đảm bảo tốt về tinh thần. Song, cần xem xét thỏa đáng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho sự phát triển của trẻ, lần lượt như sau:

Theo Biên bản ghi nhận ý kiến đề ngày 14/7/2023 của bà Võ Thị Tường V và Biên bản làm việc ngày 28/7/2023, bà V có ý kiến như sau: Bà là mẹ ruột của chị Trần Ngọc N, chị N đang nuôi dưỡng cháu Mai A, cháu Mai A vẫn phát triển tốt và đi học bình thường, chị N vẫn đảm bảo đủ điều kiện về cuộc sống và học tập cho cháu. Chị N có nhận biết được các Thông báo của Tòa án nhưng do ở xa nên không về tham gia phiên tòa được. Cháu Mai A hiện đang sống với N, chị N vẫn đảm bảo cuộc sống cho cháu Mai A nên có nói với bà là yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Mai A đến trưởng thành, việc anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Mai A đủ 18 tuổi thì N đồng ý. Đối với tài sản chung thì tự thỏa thuận, N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung là không có. Do Nữ bận công việc nên không tham gia giải quyết vụ án tại Tòa.

Theo lời trình bày của bà V và anh D đều thống nhất cháu Mai A vẫn chung sống với chị N và phía chị N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu cho đến nay. Thời gian qua chị N vẫn tạo điều kiện cho anh D tới lui thăm nom, chăm sóc cháu Mai A.

Qua đó cho thấy, thực tế cháu Mai A đã được phía chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay cháu vẫn đang sống với phía chị N, chị N có đảm bảo cho cháu các điều kiện về sinh hoạt, học tập và cuộc sống cũng như đảm bảo cho sự phát triển của trẻ, cháu Mai A là cháu gái nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng từ người mẹ, cần tránh gây sự xáo trộn quá lớn trong cuộc sống sinh hoạt và tinh thần của trẻ; hơn nữa ở độ tuổi này xem như mới chập chững bước vào một môi trường mới rất cần sự dìu dắt, dạy dỗ từ người mẹ với những bước đi đầu đời; do đó, việc giao cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai A đến trưởng thành là phù hợp với quy định pháp luật.

Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái (con chung) là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con (anh D) có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở anh D thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Mai A mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu Mai A đủ 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị N vắng mặt nên chưa xác định được phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Dũng phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 107; 110; 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đức D.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức D được ly hôn với chị Trần Ngọc N.

- Về con chung: Giao cháu tên Nguyễn Trần Mai A (nữ), sinh ngày 09/10/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Anh Dũng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Mai A mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu Mai A đủ 18 tuổi.

Anh Dũng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh D thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức D phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp theo biên lai thu số 0012070 ngày 16/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh sang thành tiền án phí (công nhận anh D đã nộp xong).

Anh Nguyễn Đức D phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lê Thanh Phong	**Bùi Thị Thanh Thảo**	**Lê Thị Thúy Hằng**